

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2020

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020**  
(Tuần từ ngày 31 tháng 01 năm 2020 đến ngày 06 tháng 02 năm 2020)

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Đồng Xoài	0,0	2,0	- 79,1	- 96,4	- 92,9	- 93,0	-	0,0
Bình Long	0,0	1,8	- 75,9	- 91,7	- 96,9	- 93,2	-	0,0
Bù Đăng	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	0,0
Bù Đốp	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	-	0,0
Lộc Ninh	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	0,0
Phước Hòa	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	0,0
Phước Long	0,0	0,0	- 100,0	-	- 100,0	- 100,0	- 100,0	0,0
Trị An	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	0,0
<b>Trung bình</b>	<b>0,0</b>	<b>0,5</b>	<b>- 94,4</b>	<b>- 98,3</b>	<b>- 98,7</b>	<b>- 98,0</b>	<b>- 100,0</b>	<b>0,0</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

**Nhận xét:**

Lượng mưa lũy tích tuần qua trung bình tại các trạm đo thấp hơn TBNN 94,4%, thấp hơn năm 2019 là 98,3%, thấp hơn 98,7% so với năm 2018 và cao thấp hơn 98,0% so với năm 2017. Trong tuần qua tại các trạm đều không có mưa (0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo phổ biến 0 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

**2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi**

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	19,22	90,23	- 1,1	+ 0,8	- 7,1	- 2,7	Giảm	68,00
Hồ NT6	2,75	2,66	96,79	+ 0,1	- 3,2	+ 0,1	- 6,2	Giảm	88,01
Hồ NT9	1,97	1,88	95,21	+ 3,4	+ 3,9	- 0,8	- 5,8	Giảm	71,26

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ NT8	1,3	1,25	96,37	+ 3,5	+ 10,4	- 3,6	- 3,4	Giảm	63,70
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,69	97,15	+ 3,3	+ 1,5	+ 0,4	+ 1,0	Giảm	92,58
Hồ Lộc Quang	5,826	5,30	91,06	+ 4,3	+ 13,1	- 2,4	+ 0,3	Giảm	67,64
Hồ Tân Lợi	2,87	2,87	100,00	+ 3,5	0	0	+ 0,1	Giảm	81,09
Hồ Suối Ông	0,386	0,35	91,37	- 4,4	+ 5,9	- 9,6	- 11,4	Giảm	40,01
Hồ Bầu Úm	1,58	1,48	93,96	- 0,2	+ 2,5	- 6,0	- 2,5	Giảm	68,62
Hồ NT 4	2,615	2,58	98,63	+ 5,4	+ 2,9	- 0,4	+ 7,5	Giảm	92,18
Đập Thọ Sơn	0,963	0,96	100,00	+ 6,1	+ 1,6	+ 0,3	+ 5,1	Giảm	94,23
Hồ Đồng Xoài	9,66	7,80	80,72	- 7,0	- 1,9	- 18,1	- 9,6	Giảm	55,01
Hồ Bù Môn	0,2	0,20	100,00	+ 17,1	+ 187,5	0	0	Giảm	87,28
Hồ Sa Cát	1,327	1,29	97,20	+ 1,0	+ 4,0	- 3,0	- 3,0	Giảm	91,59
Hồ An Khương	2,6	1,82	69,98	- 10,2	- 2,5	- 17,3	- 13,7	Giảm	58,15
Hồ Ông Thoại	1,765	1,77	100,00	+ 10,4	-	+ 3,1	+ 11,9	Giảm	81,56
Hồ Càn Đơn	165,49	89,94	54,35	- 32,2	- 19,1	- 37,1	- 21,0	Giảm	78,93
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>224,342(*)</b>	<b>143,07</b>	<b>63,77</b>	<b>+ 0,2</b>	<b>+ 12,2</b>	<b>- 6,0</b>	<b>- 3,1</b>		<b>76,60</b>

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 30/01/2020 ở mức trung bình so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 143,07 triệu m<sup>3</sup> (đạt 63,77% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn cùng kỳ so với năm 2018, cao hơn so với năm 2019 và xấp xỉ so với TBNN.

## **II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC**

### **1. Khả năng cấp nước**

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 2 của vụ Đông Xuân 2019-2020 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **4,15** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020				Nhu cầu nước tưới tháng 2 cho vụ Đông Xuân 2019-2020 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNĐN	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>708,00</b>	<b>81,98</b>	<b>1.283,0</b>	<b>23</b>	<b>4,15</b>
1	Hồ Suối Giai	74,0	82,0	126,0	5	0,35
2	Hồ NT6			11		0,01
3	Hồ NT9			29		0,02
4	Hồ NT8			25		0,02

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020				Nhu cầu nước tưới tháng 2 cho vụ Đông Xuân 2019-2020 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
5	Hồ NT2 - Đ7			51		0,04
6	Hồ Lộc Quang	270		260	7	0,88
7	Hồ Tân Lợi			70		0,17
8	Hồ Suối Ông	10			1	0,03
9	Hồ Bàu Úm	4			2	0,01
10	Hồ NT 4			120		0,09
11	Đập Thọ Sơn			63		0,09
12	Hồ Đồng Xoài	15		44	6	1,01
13	Hồ Bù Môn	55				0,14
14	Hồ Sa Cát			20		0,11
15	Hồ An Khương	120		33	2	0,31
16	Hồ Ông Thoại			31		0,15
17	Hồ Cần Đơn	160		400		0,71

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 2 năm 2019 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
1	Hồ Suối Giai	0,51
2	Hồ NT6	0,15
3	Hồ NT9	0,12
4	Hồ NT8	0,35
5	Hồ NT2 - Đ7	0,06
6	Hồ Lộc Quang	0,49
7	Hồ Tân Lợi	0,48
8	Hồ Suối Ông	0,04
9	Hồ Bàu Úm	0,03
10	Hồ NT 4	0,25
11	Đập Thọ Sơn	0,28
12	Hồ Đồng Xoài	0,36
13	Hồ Bù Môn	1,50
14	Hồ Sa Cát	0,13
15	Hồ An Khương	0,09
16	Hồ Ông Thoại	0,16
17	Hồ Cần Đơn	93,47

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 2 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 31/01/2020 đến ngày 06/02/2020 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bàu Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Cần Đơn, hồ Bù Môn.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 31/01/2020 đến 06/02/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	90,23	287	89,93	100	287	Đủ nước
Hồ NT6	96,79	11	96,15	100	11	Đủ nước
Hồ NT9	95,21	29	94,73	100	29	Đủ nước
Hồ NT8	96,37	25	94,92	100	25	Đủ nước
Hồ NT2 - Đ7	97,15	51	96,72	100	51	Đủ nước
Hồ Lộc Quang	91,06	537	90,41	100	537	Đủ nước
Hồ Tân Lợi	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Suối Ông	91,37	11	90,20	100	11	Đủ nước
Hồ Bầu Úm	93,96	6	93,51	100	6	Đủ nước
Hồ NT 4	98,63	120	98,08	100	120	Đủ nước
Đập Thọ Sơn	100,00	63	100,00	100	63	Đủ nước
Hồ Đồng Xoài	80,72	65	79,15	100	65	Đủ nước
Hồ Bù Môn	100,00	55	100,00	100	55	Đủ nước
Hồ Sa Cát	97,20	20	96,45	100	20	Đủ nước
Hồ An Khương	69,98	155	69,45	100	155	Đủ nước
Hồ Ông Thoại	100,00	31	100,00	100	31	Đủ nước
Hồ Càn Đơn	54,35	560	57,27	100	560	Đủ nước
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>63,77</b>	<b>2.096,0<sup>(*)</sup></b>	<b>65,77</b>	<b>100</b>	<b>2.096,0<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> Giá trị tổng.

## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đăng	0,1	-	- 99	- 100	Rủi ro hạn trung bình
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riềng					
	Đakia – Bù Đốp					
Đồng Xoài	Đồng Tâm – Đồng Phú	2,1	-	- 82	- 97	Rủi ro hạn trung bình
	Minh Hưng – Chơn Thành					
<b>Trung bình</b>		<b>1,1</b>	<b>-</b>	<b>- 90</b>	<b>- 99</b>	<b>Có khả năng xảy ra hạn</b>

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN, tương đương so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa cộng dồn năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 06/2 các trạm là bằng 0 mm). Như vậy, với lượng mưa đo được từ đầu năm đến nay rất ít (phổ biến không mưa), có khả

năng xảy ra hạn hán đối với khu vực sản xuất nông nghiệp nằm ngoài khu tưới các công trình thủy lợi, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bầu; hỗ trợ khuyến khích xây dựng bể chứa nước hộ gia đình, đào ao trữ nước ở những vùng khô hạn. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

### 3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
2.096	707,9955	1.388					

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 06/02/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 147,55 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 65,77% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 06/02/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực trong mùa khô 2019-2020. Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2019-2020, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản

xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 07/02/2020 (tuần sau)/.

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

**VIỆN TRƯỞNG**